

Số: /TTr-BNV

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

(Dự thảo)

TỜ TRÌNH

Về Nghị định của Chính phủ ban hành Quy chế làm việc mẫu của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Kính gửi: Chính phủ

Căn cứ quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025 (sau đây gọi chung là Luật Tổ chức chính quyền địa phương) và nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1589/QĐ-TTg ngày 24/7/2025 về Kế hoạch triển khai thi hành Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, Bộ Nội vụ trình Chính phủ dự thảo Nghị định của Chính phủ ban hành Quy chế làm việc mẫu của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Sự cần thiết

a) Ngày 16/6/2025 Nghị quyết số 203/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 đã được Quốc hội thông qua, theo đó mô hình chính quyền địa phương 02 cấp gồm cấp tỉnh và cấp xã, không tổ chức cấp huyện đã chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2025 trên phạm vi cả nước. Luật Tổ chức chính quyền địa phương, các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật có một số quy định mới về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của chính quyền địa phương theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và một số quy định mới về chế độ công vụ, công chức,... Theo đó để hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, Quy chế làm việc mẫu là cơ sở pháp lý quan trọng để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng Quy chế làm việc riêng, bảo đảm thống nhất, đồng bộ trong hoạt động quản lý, điều hành; tạo hành lang pháp lý vững chắc, chuẩn hóa và nâng cao hiệu quả công tác của Ủy ban nhân dân; đổi mới cách thức làm việc, cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của chính quyền địa phương theo hướng tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, đề cao vai trò của người đứng đầu.

b) Để bảo đảm thể chế hóa kịp thời chủ trương của Đảng tại các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; cụ thể hóa quy định tại khoản 3 Điều 6

Luật Tổ chức chính quyền địa phương và để kịp thời thay thế Quyết định số 53/2006/QĐ-TTg ngày 08/3/2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế làm việc mẫu của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì việc ban hành Nghị định của Chính phủ ban hành Quy chế làm việc mẫu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cần thiết.

2. Căn cứ xây dựng Nghị định

a) Căn cứ chính trị

- Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị Trung ương 11 khóa XIII đã thông qua nội dung: *“Đồng ý chủ trương tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp: cấp tỉnh (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương), cấp xã (xã, phường, đặc khu trực thuộc tỉnh, thành phố); kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện từ ngày 01/7/2025 sau khi Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 (sửa đổi) có hiệu lực thi hành”*;

- Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã đề ra mục tiêu *“Kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện hiện nay kể từ ngày 01/7/2025 sau khi Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi) và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 (sửa đổi) có hiệu lực thi hành”*.

b) Căn cứ pháp lý

- Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số Điều của Hiến pháp Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 (có hiệu lực từ ngày 16/6/2025) đã sửa đổi, bổ sung các quy định nhằm phân định rõ thẩm quyền, đẩy mạnh phân quyền, phân cấp giữa cơ quan nhà nước ở Trung ương với địa phương; giữa các cấp chính quyền địa phương. Theo đó, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã có thay đổi so với Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15, dẫn đến cách thức điều hành công việc cần có sự khác biệt và đổi mới, đáp ứng các yêu cầu nhiệm vụ đề ra trong bối cảnh mới;

- Khoản 3 Điều 6 Luật Tổ chức chính quyền địa phương đã quy định: *“Chính phủ lãnh đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra tổ chức, hoạt động của Ủy ban nhân dân; ban hành Quy chế làm việc mẫu của Ủy ban nhân dân”*;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 87/2025/QH15);

- Quyết định số 1589/QĐ-TTg ngày 24/7/2025 ban hành kế hoạch triển khai thi hành Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 đã giao Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ ban hành Quy chế làm việc mẫu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

c) Căn cứ thực tiễn

- Quyết định số 53/2006/QĐ-TTg ngày 08/3/2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế làm việc mẫu của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành tại thời điểm chính quyền địa phương nước ta đang tổ chức theo mô hình 03 cấp, đến thời điểm hiện nay nhiều quy định đã không còn phù hợp với tổ chức chính quyền địa phương theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 quy định nhiều nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, các thành viên của Ủy ban nhân dân, theo đó, cần thiết phải sửa đổi, hoàn thiện các quy định đảm bảo phù hợp với quy định mới của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

- Quy mô diện tích tự nhiên, dân số và phạm vi quản lý của các đơn vị hành chính cấp tỉnh sau sắp xếp, hợp nhất tăng lên rất lớn; nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương cấp tỉnh tăng lên theo định hướng đẩy mạnh phân cấp, phân quyền từ cơ quan nhà nước ở trung ương cho chính quyền địa phương và không tổ chức cấp huyện.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành

Xây dựng quy chế làm việc mẫu đảm bảo quản trị công hiệu đại, hướng tới chính quyền phục vụ, minh bạch và hiệu quả. Quy chế mới cần cụ thể hóa nguyên tắc tập trung dân chủ, phân công rõ trách nhiệm giữa Chủ tịch, Phó Chủ tịch, các ủy viên và Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân, người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Đồng thời, khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý công việc, thúc đẩy cải cách hành chính, giải quyết công việc kịp thời, hiệu quả. Kết quả xây dựng quy chế nhằm giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện tốt hơn các nhiệm vụ theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định

a) Quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng về sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; bảo đảm phù hợp với Hiến pháp, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các văn bản pháp luật có liên quan.

b) Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, kế thừa những quy định còn phù hợp, đồng thời sửa đổi, bổ sung, khắc phục những bất cập, hạn chế của các quy định hiện hành.

c) Các nội dung trong Quy chế quy định phải có cơ sở pháp lý rõ ràng, thống nhất với hệ thống văn bản hiện hành, không gây chồng chéo.

d) Đảm bảo tính khả thi và linh hoạt cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong quá trình triển khai; quy định phải ngắn gọn, dễ hiểu để cán bộ, công chức áp dụng thực hiện.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 87/2025/QH15), Bộ Nội vụ đã tổ chức soạn thảo dự thảo Nghị định, cụ thể như sau:

1. Tổ chức soạn thảo dự thảo Nghị định;
2. Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan Trung ương và chính quyền địa phương. Trên cơ sở ý kiến góp ý, Bộ Nội vụ tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị định.
3. Gửi Bộ Tư pháp thẩm định Hồ sơ dự thảo Nghị định.
4. Trình Chính phủ ban hành.

IV. BỐ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Tên của Nghị định

Bộ Nội vụ đề nghị tên của Nghị định là “*Nghị định ban hành Quy chế làm việc mẫu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*”.

2. Bố cục của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định gồm 10 Chương, 50 Điều

- a) Chương I: Những quy định chung, gồm 02 Điều (từ Điều 1 đến Điều 2).
- b) Chương II: Trách nhiệm, phạm vi, cách thức giải quyết công việc và quan hệ công tác, gồm 08 Điều (từ Điều 3 đến Điều 10).
- c) Chương III: Trách nhiệm, quy trình giải quyết công việc, gồm 06 Điều (từ Điều 11 đến Điều 16).
- d) Chương IV: Chương trình công tác của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, gồm 05 Điều (từ Điều 17 đến Điều 21).
- đ) Chương V: Phiên họp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cuộc họp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, gồm 12 Điều (từ Điều 22 đến Điều 33).
- e) Chương VI: Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thi hành văn bản và thực hiện nhiệm vụ được giao, gồm 04 Điều (từ Điều 34 đến Điều 37).
- g) Chương VII: Tiếp khách, đi công tác, gồm 03 Điều (từ Điều 38 đến Điều 40).
- h) Chương VIII: Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và tổ chức tiếp dân, gồm 05 Điều (từ Điều 41 đến Điều 45).
- i) Chương IX: Công tác thông tin, báo cáo, gồm 05 Điều (từ Điều 46 đến Điều 48).
- k) Chương X: Điều khoản thi hành, gồm 02 Điều (Điều 49 và Điều 50).

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định được quy định theo hướng kế thừa những quy định còn phù hợp của Quyết định số 53/2006/QĐ-TTg ngày 08/3/2006 của Thủ tướng Chính phủ và quá trình triển khai thực hiện không có vướng mắc, bất cập; đồng thời thể chế hóa những chủ trương của Đảng, quy định chi tiết những điểm mới của Luật Tổ chức chính quyền địa phương về tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương các cấp; nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, hoạt động, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, các thành viên của Ủy ban nhân dân cho phù hợp với thực tiễn hiện nay và mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý công việc, thúc đẩy cải cách hành chính, giải quyết công việc kịp thời, hiệu quả:

a) Chương I: Những quy định chung

Quy định phạm vi, đối tượng điều chỉnh, nguyên tắc làm việc của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; hoạt động theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số, đề cao thẩm quyền và trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân; tổ chức hoạt động của Ủy ban nhân dân bảo đảm tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số; đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền, xác định rõ trách nhiệm cá nhân gắn với tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát; bảo đảm quyền con người, quyền công dân; xây dựng chính quyền địa phương gần Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự kiểm tra, giám sát của Nhân dân.

b) Chương II: Trách nhiệm, phạm vi, cách thức giải quyết công việc và quan hệ công tác

(1) Về trách nhiệm, phạm vi, cách thức giải quyết công việc

Quy định trách nhiệm, phạm vi, cách thức giải quyết công việc của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, các Ủy viên của Ủy ban nhân dân, người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và quan hệ phối hợp công tác, bảo đảm phát huy hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và phục vụ người dân, doanh nghiệp tốt hơn, đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu Ủy ban nhân dân trong việc xử lý nhanh chóng, kịp thời các nhiệm vụ, công việc của cơ quan hành chính. Cụ thể: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là người lãnh đạo và điều hành công việc của Ủy ban nhân dân, chịu trách nhiệm cá nhân và cùng các thành viên khác của Ủy ban nhân dân chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do Chủ tịch Ủy ban nhân dân phân công theo lĩnh vực, địa bàn, được sử dụng quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, nhân danh Chủ tịch Ủy ban nhân dân khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực phân công; Ủy viên Ủy ban nhân dân (bao gồm người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác) có trách nhiệm chủ động, tích cực tham gia hiệu quả giải quyết các công việc chung của tập thể Ủy ban nhân dân, tham dự đầy đủ các phiên họp, thảo luận và biểu quyết những vấn đề được đưa ra; Chánh

Văn phòng Ủy ban nhân dân tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân nắm tình hình hoạt động của Ủy ban nhân dân, xây dựng, trình Ủy ban nhân dân ban hành Quy chế làm việc, tham mưu, đề xuất, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn.

Trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trực tiếp chỉ đạo, điều hành việc giải quyết những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp mình, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, không để việc giải quyết công việc, thủ tục hành chính đối với người dân, doanh nghiệp bị đình trệ, ùn tắc, kém hiệu quả.

(2) Về quan hệ phối hợp công tác của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Giữ mối liên hệ thường xuyên với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan có liên quan của Trung ương, các cơ quan của Đảng, phối hợp chặt chẽ với Thường trực Hội đồng nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương.

c) Chương III: Trách nhiệm, quy trình giải quyết công việc

Dự thảo Nghị định quy định các loại hồ sơ, công việc trình Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; yêu cầu đối với hồ sơ, công việc; trách nhiệm của từng chủ thể trong xử lý, giải quyết hồ sơ trình Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; quy trình xử lý hồ sơ, công việc; phát hành, công bố văn bản; phân công trách nhiệm giữa Chủ tịch và các Phó Chủ tịch, đề cao vai trò, trách nhiệm cá nhân của Chủ tịch Ủy ban nhân dân trong việc chỉ đạo, điều hành, xử lý các công việc đột xuất, phát sinh, ưu tiên xử lý, giải quyết, lưu trữ hồ sơ, công việc trên môi trường điện tử, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

d) Chương IV: Chương trình công tác của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Chương trình công tác bao gồm chương trình công tác năm, quý, tháng và tuần. Theo dự thảo, chương trình công tác năm thể hiện tổng quát các định hướng, nhiệm vụ và giải pháp lớn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trên tất cả các lĩnh vực công tác; chương trình công tác quý, tháng gồm nội dung phiên họp và danh mục văn bản, vấn đề cần trình trong quý, tháng; chương trình công tác tuần gồm các hoạt động của Chủ tịch và các Phó Chủ tịch theo từng ngày trong tuần. Các thành viên Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trong xây dựng, tổ chức thực hiện, chịu trách nhiệm về việc triển khai thực hiện chương trình công tác bảo đảm chất lượng, đúng tiến độ, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số và đánh giá kết quả thực hiện chương trình công tác.

e) Chương V: Phiên họp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cuộc họp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Dự thảo Nghị định quy định cách thức, trình tự, thành phần tham dự phiên họp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cuộc họp của Ủy ban nhân dân, lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các thành viên của Ủy ban nhân dân, cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã để giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền, phát sinh trên địa bàn. Cụ thể: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh họp thường kỳ mỗi tháng một lần. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất. Ngoài ra, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức họp để xử lý công việc thường xuyên và những công việc phức tạp, cấp bách, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực. Văn phòng Ủy ban nhân dân có trách nhiệm triệu tập, chuẩn bị, tổ chức họp. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan có trách nhiệm tham gia và chuẩn bị các nội dung cho cuộc họp.

Quy định đa dạng hình thức tổ chức họp như họp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc kết hợp trực tiếp và trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác theo quy định của pháp luật, bảo đảm chất lượng, hiệu quả giải quyết công việc, thiết thực, tiết kiệm thời gian, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số theo chỉ đạo của Trung ương.

g) Chương VI: Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thi hành văn bản và thực hiện nhiệm vụ được giao

Về nguyên tắc: (1) Phải được tiến hành thường xuyên và có kế hoạch, có sự phối hợp trách nhiệm chéo, trùng lắp; (2) Thực hiện theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, khách quan, chính xác, đúng pháp luật; (3) Bảo đảm hiệu quả, nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính; (4) Gắn với việc ứng dụng công nghệ thông tin.

Hình thức theo dõi, đôn đốc, kiểm tra đa dạng như qua hệ thống thông tin điện tử và theo dõi nhiệm vụ của tỉnh, qua báo cáo định kỳ hoặc đột xuất, qua làm việc trực tiếp hoặc đột xuất theo yêu cầu quản lý nhà nước, qua việc thành lập đoàn kiểm tra và Tổ công tác hoặc bằng các hình thức khác phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương.

h) Chương VII: Tiếp khách, đi công tác

Quy định cách thức, các điều kiện, tổ chức tiếp khách, đi công tác của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan, tổ chức liên quan trong việc xây dựng chương trình, kế hoạch, bảo đảm chất lượng, hiệu quả, phục vụ, cơ sở vật chất và bảo đảm an toàn cho buổi tiếp khách, công tác của Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các thành viên của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hàng tháng phải dành thời gian đi công tác cơ sở để kiểm tra, nắm tình hình, gặp gỡ tiếp xúc, lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của nhân dân; nắm tình hình ở cơ sở để kịp thời chỉ đạo và đề xuất những giải pháp giúp địa phương, cơ sở khắc phục khó khăn.

i) Chương VIII: Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và tổ chức tiếp dân

Chủ tịch Ủy ban nhân dân, các thành viên Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chánh Thanh tra, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp thực hiện nghiêm túc công tác thanh tra, tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có lịch tiếp công dân tùy theo yêu cầu của công việc để bố trí số lần tiếp dân trong tháng, có thể uỷ nhiệm cho Phó Chủ tịch tiếp nhưng ít nhất mỗi quý Chủ tịch Ủy ban nhân dân phải bố trí thời gian để trực tiếp tiếp công dân 01 buổi. Chánh Thanh tra tổ chức, chỉ đạo hoạt động thanh tra, kiểm tra, công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, tổ chức tiếp công dân, trân trọng lắng nghe ý kiến của công dân; phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị trong quá trình tiếp nhận, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tổ chức thực hiện tốt việc tiếp công dân.

k) Chương IX: Công tác thông tin, báo cáo

Việc thực hiện chế độ báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng của địa phương và các báo cáo chuyên đề, đột xuất phải được thực hiện thường xuyên, định kỳ; củng cố, tăng cường hệ thống thông tin nội bộ, để giúp lãnh đạo cơ quan nắm được tình hình, công việc thực hiện.

Thực hiện chế độ thông tin cho nhân dân, trả lời các chất vấn, kiến nghị của cử tri, của đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; trả lời phỏng vấn của cơ quan thông tin đại chúng, tổ chức họp báo, tạo điều kiện, thường xuyên thông tin cho các cơ quan thông tin đại chúng và nhân dân về tình hình hoạt động của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và về các chế độ, chính sách mới ban hành, các văn bản của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc thực hiện các chủ trương, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

l) Chương X: Điều khoản thi hành:

Nghị định này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2025, thay thế Quyết định số 53/2006/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ.

Đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã ban hành Quy chế làm việc bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 thì tiếp tục thực hiện. Trong trường hợp cần thiết, căn cứ đặc điểm, tình hình thực tiễn của địa phương và để bảo đảm việc điều hành, hoạt động của bộ máy chính quyền tốt hơn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ quy định tại Quy chế này để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp, đáp ứng yêu cầu gần dân, sát dân, phục vụ Nhân dân tốt hơn.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH

1. Nguồn kinh phí

Ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ kinh phí cho việc tổ chức thực hiện Nghị định. Kinh phí được phân bổ từ ngân sách trung ương và ngân sách địa phương.

2. Nguồn nhân lực

Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hiện có tại các cơ quan trung ương và địa phương được bố trí, sắp xếp lại phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp là nguồn nhân lực chủ yếu tổ chức thi hành Nghị định. Sau khi Nghị định này được ban hành và có hiệu lực thi hành, không làm tăng biên chế, nguồn nhân lực cơ bản đáp ứng yêu cầu của công tác triển khai thi hành Nghị định.

3. Các điều kiện đảm bảo thi hành Nghị định

Để bảo đảm Nghị định được tổ chức thi hành thống nhất, hiệu quả, đồng bộ trên phạm vi toàn quốc, cần triển khai các nhóm điều kiện bảo đảm sau:

- Về thể chế: Tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung đồng bộ quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để bảo đảm thống nhất, phù hợp tình hình thực tiễn của địa phương, bảo đảm hoạt động của bộ máy chính quyền.

- Về tuyên truyền, phổ biến và bồi dưỡng nghiệp vụ: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung của Nghị định, tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

- Về cơ chế kiểm tra, giám sát và phản hồi chính sách: Thiết lập cơ chế giám sát, kiểm tra việc triển khai thực hiện quy chế làm việc.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định của Chính phủ ban hành quy chế làm việc mẫu của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Bộ Nội vụ kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTgCP, các PTTgCP (để b/c);
- Bộ Tư pháp;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà;
- Thứ trưởng Trương Hải Long;
- Lưu: VT, CQĐP.

BỘ TRƯỞNG

Phạm Thị Thanh Trà